TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T H** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2023/HNGĐST
Ngày 17-07-2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Thuận**

2. Bà **Phạm Thị Lê Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên**.

Ngày 17 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2022/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phan Văn Đ** – sinh năm 1992

Địa chỉ: Đội 6, xã Th V, Thành phố V Tr, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Tạ Thị Mỹ L** – sinh năm 1992

Địa chỉ: 129 Phạm Ngọc Thạch, Khu phố Đông Thái, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Tạ Văn T** – sinh năm: 1960 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 129 Phạm Ngọc Thạch, Khu phố Đông Thái, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Phan Văn Đ trình bày:***

anh và chị Tạ Thị Mỹ L chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th V, TP. V Tr, tỉnh Phú Thọ ngày 25/02/2020. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi chung sống, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 1 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vào khoảng tháng 4/2022 chị L có nói là ba chị L bị bệnh nên xin cho chị L và cháu A về thăm cha mẹ chị L và ở luôn cho đến nay. Đến tháng 9/2022 thì anh và anh trai của cha anh có vào nhà chị L để nói chuyện với gia đình chị L thì bên gia đình chị L nói nếu anh không gia nhập đạo Thiên Chúa thì không cho sống chung với chị L nữa. Và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Phan Gia A – sinh ngày 6/10/2018. Cháu A đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với anh Đ

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh Đ yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh yêu cầu được ly hôn với chị Tạ Thị Mỹ L.

- *Về con chung:* anh Đ yêu cầu được nuôi cháu Phan Gia A – sinh ngày 06/10/2018, anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn chị Tạ Tị Mỹ L trình bày:***

Chị và anh Phan Văn Đ tự quen nhau khi đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản chung sống với nhau năm 2018, có tổ chức đám cưới tháng 02/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th V, TP. V Tr, tỉnh Phú Thọ ngày 25/02/2020.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không lo làm ăn mà chỉ biết ăn chơi lêu lỏng (đánh bài, cá độ ..), từ đó mà vợ chồng bất đồng quan điểm

với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, không thể tự giải quyết. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung Phan Gia A – sinh ngày 6/10/2018, cháu A đã có giấy khai sinh và hiện đang sống với anh Đ.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: chị L đồng ý ly hôn với anh Đ.

- Về quan hệ con chung: chị L xin được quyền nuôi dưỡng cháu Phan Gia A – sinh ngày 6/10/2018, chị không yêu cầu anh Phan Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Văn T, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Từ tháng 4/2022 cho đến tháng 5 năm 2023 thì chị Linh có mang cháu Phan Gia A về nhà ông bà ngoại ở và vợ chồng ông bà là người trực tiếp chăm sóc cháu. Nay anh Đ, chị L xin ly hôn thì ông bà không yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Có vi phạm thời hạn xét xử nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn Đ và chị Tạ Thị Mỹ L.

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị HĐXX tiếp tục giao cháu Phan Gia A – sinh ngày 06/10/2018 cho anh Phan Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Tạ Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tạ Thị Mỹ L có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ *Về án phí:* anh Phan Văn Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn Đ được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T H. Anh Phan Văn Đ, ông Tạ Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn anh Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Phan Văn Đ và ông Tạ Văn T.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của anh Phan Văn Đ và chị Tạ Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Tạ Thị Mỹ L và anh Phan Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2018, được Uỷ ban nhân dân xã Th V, Tp.V Tr, tỉnh Phú Thọ, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2020, ngày 25/2/2020 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Vợ chồng anh chị đã ly thân với nhau từ năm 4/2022 đến nay. Mặt khác, tại phiên tòa chị L và anh Đ thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu được nuôi cháu Phan Gia A của anh Phan Văn Đ và chị Tạ Thị Mỹ L.

Xét thấy cháu Phan Gia A từ tháng 5/2023 đến nay do anh Đ trực tiếp nuôi cháu và vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu A, mặt khác do cháu A hiện nay còn nhỏ nếu giao con cho chị L nuôi dưỡng sẽ làm xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu A. Vì vậy yêu cầu nuôi con của chị L không có cơ sở.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh Đ và chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 55, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn Đ.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* anh Phan Văn Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 57, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Văn Đ

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn Đ và chị Tạ Thị Mỹ L.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phan Gia A – sinh ngày 06/10/2018 cho anh Phan Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tạ Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tạ Thị Mỹ L được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Phan Văn Đ phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0002243 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phan Văn Đ, ông Tạ Văn T có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T H;
- Chi cục THADS huyện T H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã Th V;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo